

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 29
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xi nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xi nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 05 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Văn Hào	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	
Ông Lưu Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023
Ông Mai Văn Tân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Thanh Tùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023
Ông Mai Văn Tân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023
Ông Lưu Thanh Tùng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Tuấn	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Lưu Thị Minh Hằng	Trưởng ban
Ông Phan Minh Trung	Thành viên
Ông Bạch Khôi Tinh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 19 tháng 02 năm 2024

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Lưu Thanh Tùng

Số: 08. 1 /2024/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 19 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính

54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Phòng 903 toà 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info.hn@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2024

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Huyền Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6237-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.505.440.835	65.829.298.008
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.695.973.618	8.711.359.615
1.	Tiền	111	V.01	7.695.973.618	8.711.359.615
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.459.975.244	52.999.758.450
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	63.813.186.943	54.261.964.845
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.412.835.301	1.191.575.605
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.04	(3.766.047.000)	(2.453.782.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	5.852.438.441	4.118.179.943
1.	Hàng tồn kho	141		5.852.438.441	4.118.179.943
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		497.053.532	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09	497.053.532	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.380.814.124	9.208.834.294
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		12.112.615.382	7.990.799.319
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	12.112.615.382	7.990.799.319
	- Nguyên giá	222		38.326.928.547	32.051.774.259
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.214.313.165)	(24.060.974.940)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.268.198.742	1.218.034.975
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.268.198.742	1.218.034.975
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.886.254.959	75.038.132.302

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		62.941.206.563	49.659.997.067
I.	Nợ ngắn hạn	310		62.941.206.563	49.659.997.067
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	26.423.679.360	13.342.373.939
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	3.260.226.329	3.506.691.177
4.	Phải trả người lao động	314		32.166.297.791	30.998.552.053
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	132.695.358	105.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	214.238.189	846.897.195
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		744.069.536	860.482.703
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.945.048.396	25.378.135.235
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.12	25.945.048.396	25.378.135.235
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.859.458.000	3.323.458.000
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.025.590.396	3.994.677.235
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.025.590.396	3.994.677.235
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.886.254.959	75.038.132.302

Bình Định, ngày 19 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lữ Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	186.089.073.542	167.227.813.236
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		186.089.073.542	167.227.813.236
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	162.914.104.128	144.942.719.413
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.174.969.414	22.285.093.823
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.951.193.143	709.199.698
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	254.184.362	171.834.415
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	18.867.285.424	17.714.544.034
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.004.692.771	5.107.915.072
11.	Thu nhập khác	31	VI.04	-	173.222.222
12.	Chi phí khác	32	VI.05	199.814.361	61.391.720
13.	Lợi nhuận khác	40		(199.814.361)	111.830.502
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.804.878.410	5.219.745.574
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.779.288.014	1.225.068.339
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.025.590.396	3.994.677.235
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	2.229	1.517
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	2.229	1.517

Bình Định, ngày 19 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung



Lưu Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		192.838.831.179	179.774.655.819
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(77.456.152.404)	(71.686.248.093)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(74.267.968.404)	(76.458.595.037)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.641.309.194)	(1.104.432.407)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		800.486.927	-
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.761.992.956)	(29.562.308.852)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.511.895.148	963.071.430
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.275.154.288)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	172.222.222
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(47.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	47.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.951.193.143	709.199.698
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.323.961.145)	881.421.920

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.203.320.000)	(2.203.320.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.203.320.000)	(2.203.320.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.015.385.997)	(358.826.650)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.711.359.615	9.070.186.265
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.695.973.618	8.711.359.615

Bình Định, ngày 19 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thế Đạt



Nguyễn Thị Hồng Nhung




BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

06. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp Xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm Dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tổng số Cán bộ công nhân viên và người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 520 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 530 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	236.181.434	138.021.857
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.459.792.184	8.573.337.758
Cộng	7.695.973.618	8.711.359.615

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	63.813.186.943	54.261.964.845
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	45.262.110.249	40.101.922.613
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	18.551.076.694	14.160.042.232
Cộng	63.813.186.943	54.261.964.845

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	51.170.769.049	43.602.171.413
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	45.262.110.249	40.101.922.613
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	878.023.000	878.023.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	3.334.634.800	2.622.225.800
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	1.696.001.000	-
Cộng	51.170.769.049	43.602.171.413

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNHSố 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.412.835.301	-	1.191.575.605	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	101.963.346	-	47.039.978	-
- Phải thu khác	1.310.871.955	-	1.144.535.627	-
+ Phải thu CBCNV – BHXH	422.248.422	-	438.052.758	-
+ Phải thu CBCNV – BHYT	85.175.900	-	83.353.000	-
+ Phải thu CBCNV – BHYT	56.770.200	-	58.021.200	-
+ Phải thu CBCNV – Thuế TNCN	714.229.329	-	530.477.514	-
+ Các khoản phải thu khác	32.448.104	-	34.631.155	-
Cộng	1.412.835.301	-	1.191.575.605	-

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Thống nhất 508	1.140.916.000	-	1.140.916.000	-
- Công ty Cổ phần Công trình 875	3.749.330.000	1.124.199.000	3.749.330.000	2.436.464.000
Cộng	4.890.246.000	1.124.199.000	4.890.246.000	2.436.464.000

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.103.932.613	-	1.291.627.958	-
- Công cụ, dụng cụ	18.598.091	-	27.516.502	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.724.732.694	-	2.790.536.611	-
- Hàng hóa	5.175.043	-	8.498.872	-
Cộng	5.852.438.441	-	4.118.179.943	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNHSố 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.805.326.557	9.747.826.242	10.462.735.096	35.886.364	32.051.774.259
- Mua trong năm	-	-	6.275.154.288	-	6.275.154.288
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.805.326.557	9.747.826.242	16.737.889.384	35.886.364	38.326.928.547
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.090.391.825	7.196.366.416	7.738.330.335	35.886.364	24.060.974.940
- Khấu hao trong năm	279.816.648	1.201.360.851	672.160.726	-	2.153.338.225
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.370.208.473	8.397.727.267	8.410.491.061	35.886.364	26.214.313.165
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	2.714.934.732	2.551.459.826	2.724.404.761	-	7.990.799.319
2. Tại ngày cuối năm	2.435.118.084	1.350.098.975	8.327.398.323	-	12.112.615.382

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 13.789.374.374 đồng.

Tài sản cố định của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc đặt tại khu đất thuê của Nhà nước trả tiền hàng năm tại địa chỉ số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước

<i>Dài hạn</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	591.176.118	202.501.037
- Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	677.022.624	1.015.533.938
Cộng	1.268.198.742	1.218.034.975

(*): Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh năm 2016 khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình. Chi tiết như sau:

- Giá trị lợi thế kinh doanh ban đầu: 3.385.113.136 đồng;
- Thời gian phân bổ: 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNHSố 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	26.423.679.360	26.423.679.360	13.342.373.939	13.342.373.939
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	3.588.597.564	3.588.597.564	1.043.548.044	1.043.548.044
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	4.149.311.343	4.149.311.343	2.200.524.447	2.200.524.447
- Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	4.884.784.616	4.884.784.616	2.596.475.176	2.596.475.176
- Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại đường sắt Đồng Dương	10.263.369.620	10.263.369.620	5.765.855.744	5.765.855.744
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	3.537.616.217	3.537.616.217	1.735.970.528	1.735.970.528
Cộng	26.423.679.360	26.423.679.360	13.342.373.939	13.342.373.939

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	120.406.263	120.406.263	-	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	120.406.263	120.406.263	-	-
Cộng	120.406.263	120.406.263	-	-

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.599.617.158	9.412.928.722	9.979.596.039
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	375.068.339	1.779.288.014	1.641.309.194	513.047.159
- Thuế thu nhập cá nhân	-	532.005.680	787.910.284	605.686.635	714.229.329
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	719.428.648	1.216.482.180	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	41.832.405	41.832.405	-
Cộng	-	3.506.691.177	12.747.388.073	13.490.906.453	497.053.532
					3.260.226.329

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***10. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>132.695.358</i>	<i>105.000.000</i>
- Trích trước chi phí điện nước	27.695.358	-
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	132.695.358	105.000.000

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>214.238.189</i>	<i>846.897.195</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	214.238.189	846.897.195
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	733.821.195
+ Ông Nguyễn Quốc Việt	101.162.189	-
+ Các đối tượng khác	113.076.000	113.076.000
Cộng	214.238.189	846.897.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNHSố 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.060.000.000	2.773.458.000	3.983.263.042	24.816.721.042
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	3.994.677.235	3.994.677.235
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	550.000.000	(3.983.263.042)	(3.433.263.042)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	18.060.000.000	3.323.458.000	3.994.677.235	25.378.135.235
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	4.025.590.396	4.025.590.396
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	536.000.000	(3.994.677.235)	(3.458.677.235)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	18.060.000.000	3.859.458.000	4.025.590.396	25.945.048.396

(*): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	536.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	988.357.235
- Trích quỹ thường Ban Quản lý điều hành	267.000.000
- Trích cổ tức chi trả	2.203.320.000
Tổng phân phối lợi nhuận	3.994.677.235

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51	9.210.600.000	51
- Các cổ đông khác	8.849.400.000	49	8.849.400.000	49
Cộng	18.060.000.000	100	18.060.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	18.060.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.203.320.000	2.203.320.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.203.320.000	2.203.320.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	3.859.458.000	3.323.458.000
Cộng	3.859.458.000	3.323.458.000

13. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán*Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam*

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=12,5m	Thanh	752	300.800
Ray P43	Mét	500	16.000
Lập lách P43	Bộ	799	11.186
Lập lách ĐB P43-50	Bộ	5	70
Tâm ghi tg 1/10 P43	Cái	4	1.600
Lưỡi ghi P43	Cái	6	15.000
Tà vệt sắt	Thanh	8.692	139.072
Tà vệt bê tông các loại	Thanh	3.992	
Bu lông các loại:			
Bu lông TVBT	Cái	39.809	11.942

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Bu lông M22x110	Cái	6.290	1.887
Bu lông M22x90	Cái	11.406	3.421
Bu lông M20x80	Cái	954	286
Bu lông mối P30	Cái	32	10
Bu lông mối P43	Cái	4.709	1.413
Bu lông mối P50	Cái	189	56
Cóc các loại:			
Cóc đàn hồi	Cái	5.809	1.742
Cóc pandol	Cái	450	135
Cóc TVBT, TVS	Cái	42.011	12.603
Cóc TVS P30	Cái	563	112
Đinh Tiaraphong	Cái	5.626	1.687
Đinh Cramphong	Cái	4.994	1.498
Đinh xoắn	Cái	545	163
Căn sắt	Cái	27.829	8.348
<i>Vật tư nhận giữ hộ Dự án thay tà vẹt bê tông K1, K2</i>			

Tên vật tư, quy cách	Số cuối năm	
	Đơn vị tính	Số lượng
Tà vẹt bê tông DUL TN1	Thanh	1.901
Căn sắt	Cái	69.836
Cóc A+B đàn hồi	Cái	21.168
Đinh xoắn + êru	Cái	7.604
Tà vẹt sắt	Thanh	302
Lập lách ray P5043	Bộ	10
Bu lông cóc	Cái	2.905
Tâm ghi (tâm đúc)	Cái	1

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (*)	170.419.547.088	155.139.684.574
- Doanh thu hoạt động xây lắp khác và hoạt động khác	15.669.526.454	12.088.128.662
Cộng	186.089.073.542	167.227.813.236

(*): Là doanh thu cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2023 sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, lý trình từ Km 903+00 đến Km 1096+200 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh; Km 0+00 đến Km 10+300 tuyến đường sắt Điều Trì – Quy Nhơn.

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	171.066.477.644	155.870.871.602
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	170.419.547.088	155.139.684.574
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	646.930.556	731.187.028
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	798.202.727
+ Cài tạo, nâng cấp hệ thống đường sắt	-	798.202.727
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	647.644.545	-
+ Cài tạo, nâng cấp hệ thống đường sắt	647.644.545	-
Công ty Cổ phần Thông tin tin hiệu Đường sắt Đà Nẵng	2.283.266.666	-
+ Thi công hệ thống đường sắt	2.283.266.666	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn cung cấp dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (*)	147.684.566.686	133.536.381.638
- Giá vốn hoạt động xây lắp khác và hoạt động khác	15.229.537.442	11.406.337.775
Cộng	162.914.104.128	144.942.719.413

(*): Đây là giá vốn của dịch vụ bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2023 sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, lý trình từ Km 903+00 đến Km 1096+200 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh; Km 0+00 đến Km 10+300 tuyến đường sắt Diêu Trì – Quy Nhơn.

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.951.193.143	709.199.698
Cộng	1.951.193.143	709.199.698

04. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	172.222.222
- Các khoản thu nhập khác	-	1.000.000
Cộng	-	173.222.222

05. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản chi phí khác	199.814.361	61.391.720
Cộng	199.814.361	61.391.720

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	18.867.285.424	17.714.544.034
- Chi phí nhân viên quản lý	9.451.607.919	9.364.536.825
- Thuế, phí và lệ phí	648.057.254	1.522.345.244
- Chi phí dự phòng	1.312.265.000	749.866.000
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.455.355.251	6.077.795.965
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	254.184.362	171.834.415
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.184.362	171.834.415
Cộng	19.121.469.786	17.886.378.449

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.779.288.014	1.225.068.339
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.779.288.014	1.225.068.339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết cách xác định:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.804.878.410	5.219.745.574
Các khoản điều chỉnh tăng	3.091.561.659	905.596.119
- Chi phí trích lập dự phòng	1.312.265.000	749.866.000
- Chi phí không được trừ khác	1.779.296.659	155.730.119
Thu nhập tính thuế TNDN	8.896.440.069	6.125.341.693
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.779.288.014</u>	<u>1.225.068.339</u>

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.025.590.396	3.994.677.235
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.025.590.396	3.994.677.235
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành (*)	-	1.255.357.235
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.229</u>	<u>1.517</u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.025.590.396	3.994.677.235
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.025.590.396	3.994.677.235
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành (*)	-	1.255.357.235
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.229</u>	<u>1.517</u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.833.594.494	44.959.236.377
- Chi phí nhân công	96.210.230.394	90.554.983.828
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.153.338.225	2.421.866.126
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.334.328.018	2.958.314.319
- Chi phí khác bằng tiền	12.126.013.866	16.587.744.213
- Chi phí dự phòng	1.312.265.000	749.866.000
Cộng	<u>183.969.769.997</u>	<u>158.232.010.863</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.780.601.200	2.941.865.106
Cộng	<u>2.780.601.200</u>	<u>2.941.865.106</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị trong hệ thống
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị trong hệ thống
Chi nhánh Vận tải đường sắt Nha Trang - Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị trong hệ thống
Chi nhánh - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Đơn vị trong hệ thống
Phân hiệu Cao đẳng nghề Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị trong hệ thống
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị trong hệ thống

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
- Trà cổ tức	1.123.693.200	1.123.693.200
- Chi phí thuê nhà cung đường	117.165.110	141.125.000
- Thuê máy móc	10.674.022	561.096.014
- Bồi thường chi phí chậm tàu	2.340.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn		
- Chi phí vận chuyển đá	-	1.550.463.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng		
- Chi phí bảo dưỡng toa xe	-	12.715.000
Chi nhánh Vận tải đường sắt Nha Trang - Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn		
- Chi phí vận chuyển hành khách	102.189.300	84.484.080
Trung tâm Y tế Đường sắt		
- Chi phí khám sức khỏe định kỳ	202.250.000	132.750.000
Phân hiệu Cao đẳng nghề Đường sắt Đà Nẵng		
- Chi phí đào tạo nghiệp vụ	618.163.256	737.004.000
Chi nhánh - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội		
- Chi phí kiểm tra chất lượng kỹ thuật cầu đường bằng máy EM120	431.204.523	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.08, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
+ Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	733.821.195
Cộng nợ phải trả	-	733.821.195

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Phạm Thế Đạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 19 tháng 02 năm 2024



Lưu Thanh Tùng